

THỦ ĐOẠN "NGƯ PHỦ - TÀU LẠ" CỦA TRUNG QUỐC SỬ DỤNG ĐỂ LẤN DẦN TỪNG BƯỚC, RỒI THỰC HIỆN MỘT CUỘC "TIỂU CHIẾN TRANH" CƯỚP ĐOẠT QUẦN ĐẢO HOÀNG SA CỦA VIỆT NAM QUA TƯ LIỆU LƯU TRỮ CỦA CHÍNH QUYỀN VIỆT NAM CỘNG HÒA (1954-1974)

LƯU ANH RỜ*

Nhìn lại quá trình lịch sử, Trung Quốc từ chỗ không hề có một yêu sách chủ quyền nào, không hề được chính danh trên trường quốc tế như một quốc gia có chủ quyền tại Hoàng Sa, để rồi sau đó chiếm trọn quần đảo này từ tay của Việt Nam, bất chấp công pháp quốc tế và hiện đang tăng tốc từ những gì chiếm đoạt được tại Hoàng Sa, để đẩy mạnh việc đòi hỏi quyền trọn Biển Đông, cho thấy thủ đoạn "vết dầu loang", "lầm ăn dâu" của họ từng thực hiện một cách âm thầm, bền bỉ và quyết liệt là vô cùng nguy hiểm song lại hiệu quả. Nghiên cứu về quá trình Trung Quốc cướp đoạt Hoàng Sa của Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975, chúng tôi nhận thấy rằng: Trung Quốc đã âm thầm trong một thời gian dài, sử dụng vỏ bọc "ngư dân" trong việc hiện diện tại Hoàng Sa nhằm tạo ra sự "hiện hữu" trong hoạt động kinh tế trên thực địa, sau đó là thu thập tin tức tình báo, tiếp đến là lén đổ bộ lên đảo để cấm cớ hòng khẳng định chủ quyền, rồi khi có cơ hội thì huy động một lực lượng quân sự lớn, giả dạng ngư dân để đánh chiếm toàn bộ quần đảo Hoàng Sa từ tay chính

quyền Việt Nam Cộng hòa (VNCH). Bằng một số tài liệu được lưu trữ dưới dạng "Mật" và "Tuyệt mật", từng được lưu giữ tại Văn phòng Phủ Tổng thống, Văn phòng Phủ Thủ tướng của chính quyền VNCH (từ năm 1954 đến 1974), chúng tôi xin trình bày đôi nét về các thủ đoạn trên của Trung Quốc.

Như chúng ta đều biết, ngày 5-8/9/1951, các nước đồng minh trong Thế chiến thứ II tổ chức hội nghị ở San Francisco (Hoa Kỳ) để thảo luận vấn đề chấm dứt chiến tranh tại châu Á - Thái Bình Dương và mở ra quan hệ với Nhật Bản thời kỳ hậu chiến. Hòa ước San Francisco ghi rõ: Nhật Bản phải từ bỏ mọi quyền lợi và tham vọng với hai quần đảo Paracels (Hoàng Sa) và Spratly (Trường Sa). Hòa ước cũng phủ nhận việc Nhật Bản nhìn nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với quần đảo Hoàng Sa và những đảo xa hơn ở phía Nam. Tại Hội nghị San Francisco này, vào ngày 7-9-1951, Thủ tướng kiêm Ngoại trưởng Trần Văn Hữu của Chính phủ Quốc gia Việt Nam của Bảo Đại, đã long trọng tuyên bố trước sự chứng kiến của 51 nước tham dự rằng: hai

quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là lãnh thổ lâu đời của Việt Nam. Ông Hữu nói: "Việt Nam rất hứng khởi ký nhận trước nhất cho công cuộc tạo dựng hòa bình này. Và cũng vì vậy cần phải thành thật tranh thủ tất cả mọi cơ hội để dập tắt tất cả những mầm mống tranh chấp sau này, chúng tôi xác nhận chủ quyền đã có từ lâu đời của chúng tôi trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa" (1). Lời xác nhận chủ quyền đó của phái đoàn Việt Nam được ghi vào văn kiện của Hội nghị San Francisco (1951) với đa số tán thành và không hề có bất kỳ một phản ứng chống đối hay một yêu sách nào của tất cả các quốc gia tham dự. Việc Chính phủ Quốc gia Việt Nam trong giai đoạn này tham dự Hội nghị San Francisco dưới sự bảo trợ của Chính phủ Pháp và tuyên bố chủ quyền lâu đời với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, là sự kiện có ý nghĩa quốc tế quan trọng trong chuỗi các sự kiện minh chứng cho sự xác lập chủ quyền từ rất sớm về pháp lý cũng như về sự chiếm hữu thực tế một cách hòa bình, lâu dài và liên tục đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của người Việt Nam.

Một thực tế cho thấy, quần đảo Hoàng Sa cũng như các ngư trường đánh bắt xung quanh đó đều là ngư trường truyền thống của ngư dân Việt Nam, nhất là nhóm ngư dân từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi, tất cả ngư dân Trung Quốc trong lịch sử đều biết rõ điều này. Ông Lữ Diếu, người làng Nam Ô (nay trú tại phường Tam Thuận, quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng), người có mặt tại Hoàng Sa thời Bảo Đại cho biết: "Tôi nhớ có lần (năm 1952) tàu cá của ngư dân Trung Quốc vào đảo để xin nước ngọt, dù lúc ấy chúng tôi phải dùng tiết kiệm nhưng vẫn cung cấp cho họ đầy đủ. Trước khi họ đi, Đảo trưởng chúng tôi nói với họ rằng, đây là vùng biển thuộc chủ quyền của

Việt Nam nên không được xâm phạm, họ gật đầu, cảm ơn rồi quay trở lại thuyền" (2). Lợi dụng sự thân thiện đó và cũng để che giấu ý đồ xâm lược (thường bị dư luận thế giới phản ứng và trái với Công ước quốc tế về "chiếm hữu hòa bình"), Trung Quốc đã sử dụng "vỏ bọc ngư dân", nhằm nấp dưới dạng những ngư dân Trung Quốc chân chính, như một biện pháp hiệu quả để "thực thi chủ quyền" mạo nhận của mình, trong suốt một thời gian dài. Vì lẽ đó, từ năm 1954 đến năm 1975, lực lượng bảo vệ Hoàng Sa của chính quyền VNCH luôn bắt giữ nhiều vụ lực lượng quân sự Trung Quốc giả dạng ngư dân, lén lút đổ bộ lên đảo để cắm cờ, dựng bia, nắm tin tức tình báo...

Theo các điều khoản trong Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký ngày 20-7-1954, thì quân Pháp phải rút lui khỏi Việt Nam vào tháng 4-1956, lợi dụng cơ hội đó, ngày 30-5-1956, Trung Quốc đưa lực lượng quân sự giả dạng ngư dân bất ngờ đổ bộ lên chiếm đóng đảo Phú Lâm (tức Ile Boisée), đảo lớn nhất của quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam. Ngay lập tức, ngày 1-6-1956, Bộ trưởng Ngoại giao VNCH là ông Vũ Văn Mẫu, lên án hành động này và ra tuyên bố tái khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Vài ngày sau, Pháp cũng nhắc lại cho Philippines biết những quyền hạn mà Pháp đã có đối với hai quần đảo nói trên từ năm 1933 và khẳng định "nay đã thuộc sự cai quản của quốc gia Việt Nam". Một tài liệu của chính quyền VNCH lúc bấy giờ, cho biết: "Năm 1956, Trung Cộng đưa dân chài đến xâm chiếm các đảo Phú Lâm và Linh Côn thuộc quần đảo Hoàng Sa, rồi dần dần thay thế bằng quân đội, lập nên những cơ sở và công sự kiên cố" (3). Để khẳng định chủ quyền và kịp thời bảo vệ Hoàng Sa, ngày 22-8-1956, hải quân VNCH đã đổ bộ lên các đảo còn lại của Hoàng Sa và dựng bia, kéo cờ

chủ quyền tại đây. Song song với việc đưa lực lượng hải quân và lính bảo an ra đảo để bảo vệ, chính quyền VNCH đã tổ chức một số hoạt động tại quần đảo Hoàng Sa như: thành lập đoàn nghiên cứu thủy văn do Saurin dẫn đầu, cấp giấy phép cho kỹ nghệ gia Lê Văn Cang tiến hành khai thác phốt phát ở Hoàng Sa, phục hồi đài khí tượng Hoàng Sa, xây dựng cầu cảng... (4).

Như chúng ta đã biết, theo tinh thần Hiệp định Giơ-ne-vơ (Trung Quốc cũng đã ký kết), chính quyền VNCH mới là chính quyền có trách nhiệm quản lý chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, vì hai quần đảo này đều nằm phía dưới vĩ tuyến 17, thuộc miền Nam Việt Nam. Trong tình cảnh đất nước bị chia thành hai miền Nam - Bắc, tại Nam Việt Nam, các chính quyền kế tiếp của VNCH dưới sự hậu thuẫn của Hoa Kỳ, đã từng bước xây dựng một lực lượng hải quân đủ mạnh (cùng với lực lượng hùng hậu hải quân Hoa Kỳ, nhất là Hạm đội VII, luôn hiện diện trên khắp Biển Đông để hỗ trợ cho quân đội Mỹ trong cuộc chiến tranh Việt Nam) cũng đã giúp cho việc quản lý, khai thác, bảo vệ Hoàng Sa và Trường Sa của chính quyền VNCH thêm hữu hiệu: hạn chế được sự lấn lướt và ý đồ xâm chiếm từng bước theo kiểu "vết dầu loang" của Trung Quốc. Đối với các quốc gia có sự tranh giành với VNCH về chủ quyền tại Hoàng Sa và Trường Sa thì chính quyền Sài Gòn thực hiện chủ trương nhất quán, như họ đã xác định: "Việt Nam Cộng hòa lúc nào cũng sẵn sàng theo phương thức thương nghị ôn hòa để giải quyết tranh chấp quốc tế. Điều này càng đúng hơn đối với các quốc gia thân hữu như Trung Hoa Dân quốc và Philippines" (5).

Sau khi chiếm được đảo Phú Lâm, Trung Quốc không chỉ dừng ở đó, mà lên lút, âm thầm đưa các ngư dân và lực lượng

quân sự giả dạng ngư dân để tìm cách đồ bộ bất hợp pháp lên các đảo còn lại do VNCH canh giữ nhằm thu thập tin tức, "cắm cờ lạ", theo kế sách "tầm ăn dẫu", "nín nhịn, chờ thời". Hành động đó đã không qua được mắt của lực lượng bảo vệ quần đảo Hoàng Sa, do chính quyền VNCH cử ra trú đóng tại đây. Một tài liệu mật của Bộ Quốc phòng gửi Phủ Tổng thống cho biết: "Ngày 1-3-61 hồi 17 giờ, Bộ Tổng tham mưu Phòng Nhì chúng tôi đã báo cáo bằng điện thoại cùng quý bộ về việc 9 người Trung Hoa tỵ nạn cập bến tại đảo Hoàng Sa và quý vị đã chỉ thị trực tiếp cho hải quân đưa mấy người trên về Sài Gòn để giao lại cho Sở Nghiên cứu chính trị xã hội. Nay chúng tôi nhận được một công điện của Quân khu 2 cho biết thêm chi tiết về vụ này, trân trọng kính trình ông Bộ trưởng rõ: Ngày 1-3-61 lúc 16 giờ, có một ghe buồm lạ trên chở 9 người Trung Hoa đã cập bến tại đảo Hoàng Sa. Theo lời khai của các dương sự thì họ từ đảo Hải Nam chạy trốn chế độ cộng sản. Trên ghe gồm có: 1 cựu Giáo sư, 1 cựu thiếu úy Trung Hoa Quốc gia, 1 ngư phủ, 6 nông dân. Vật liệu đem theo gồm có: 2 bản đồ, 2 địa bàn" (6).

Tiếp đó, những "ngư phủ" có vũ trang của Trung Quốc, đã tiếp tục lên lút đồ bộ lên các đảo Hữu Nhật, Duy Mộng, Quang Hoà (nhóm đảo phía Tây của quần đảo Hoàng Sa) nhưng đã bị hải quân VNCH bắt giữ (82 người) và đưa về cảng Đà Nẵng để xử lý, rồi trao trả lại cho phía Trung Quốc. Một tài liệu khác cho biết: "Hạ tuần tháng 2 năm 1959, sau khi nhận được tin Trung - Cộng đem quân chiếm đóng Hoàng Sa. Hải quân Việt Nam đã gửi chiến hạm HQ.225 ra thám sát và phối kiểm tin tức trên. Chiến hạm đã bắt gặp một số lớn ghe thuyền này gồm khoảng 30 chiếc, 10 chiếc có gắn máy và 20 chiếc có chở vật liệu, nhân số mỗi chiếc chừng 15 người. Đoàn

thuyền đã chiếm các đảo ở phía Nam thuộc nhóm Nguyệt-Thiểm gồm các đảo Cam Tuyền, Quang Hòa, Duy Mộng. Hải quân Việt Nam đã tổ chức một cuộc hành quân với mục đích bắt giữ các ghe thuyền xâm nhập trong khu vực nhóm Nguyệt Thiểm và chứng minh chủ quyền Việt Nam trên các đảo thuộc nhóm này.

Lực lượng Hải quân tham dự gồm có các chiến hạm: HQ.04, HQ.05, HQ.02, HQ.225, HQ.328, HQ.402. Ngoài ra, còn một đại đội thuộc tiểu đoàn I thủy quân lục chiến tăng cường cùng với một trung đội thủy quân lục chiến hiện đồn trú tại Hoàng Sa. Tất cả lực lượng tham dự được đặt dưới quyền điều khiển của Hạm trưởng hộ tống Hạm Tụy Động. Kết quả, các chiến hạm đã ngăn chặn và bắt giữ được một số ngư phủ Trung Cộng khoảng 80 người xâm nhập bất hợp pháp hải phận Việt Nam, tại các đảo Quang Hòa, Duy Mộng. Các nhân viên Trung-Cộng này đã được HQ.04 đưa từ Hoàng Sa về tới Đà Nẵng vào ngày 24-2-1959 để khai thác. Sau khi được biết họ chỉ là những ngư phủ nên đã được HQ.02 đưa ra Hoàng Sa trả họ về các ghe thuyền của họ vào ngày 6-3-1959" (7).

Cùng với việc đưa "ngư phủ" lên lút xâm chiếm, đổ bộ lên các đảo, Trung Quốc còn đẩy mạnh việc đưa tàu đánh cá, tàu thăm dò dầu khí tiến sâu vào vùng lãnh hải của VNCH tại Hoàng Sa, nhất là việc đẩy mạnh việc xây dựng các cơ sở hạ tầng trên đảo Phú Lâm - nơi mà Trung Quốc vừa chiếm đóng bất hợp pháp vào năm 1956. Để làm được điều đó, nhằm che mắt dư luận thế giới, Trung Quốc đã lên lút huy động các "tàu cá" chở ximăng, sắt, cát... ra đảo Phú Lâm. Một báo cáo của lực lượng tình báo VNCH cho hay: "Căn cứ theo các không ảnh do Đệ thất hạm đội Hoa Kỳ chụp 29-7-1960 và sau khi so sánh với nhiều thí liệu

không ảnh của ta chụp ngày 5-3-1959, thiểm Bộ được biết, Trung Cộng đã thiết lập thêm một con đường xe hơi có thể chạy được, xuyên từ Tây Nam tới Đông Bắc đảo và đã làm thêm một khu công thự gồm có 5 dãy nhà 3 căn (mỗi căn rộng khoảng 4 thước) - 4 dãy nhà 6 căn, 4 dãy nhà 2 căn và 2 cột antennes cao khoảng 12 thước" (8).

Nhận thấy mưu đồ sử dụng "tàu đánh cá" và "chương trình thăm dò dầu khí biển Hoa Nam" của Trung Quốc, chính quyền VNCH không ngừng gia tăng sự bảo vệ, kiểm soát đảo và vùng nước phụ cận, đồng thời lên án cực lực hành động leo thang của Trung Quốc. Tuyên cáo ngày 7 tháng 9 năm 1967, của Chính phủ Việt Nam Cộng hòa đã tái xác định vấn đề đặc quyền lãnh hải của mình, theo đó: "Phần thêm lục địa tiếp cận với lãnh hải Việt Nam Cộng hòa thuộc pháp quyền chuyên độc và chịu sự kiểm soát trực tiếp của Chính phủ Việt Nam Cộng hòa. Ranh giới của phần thêm lục địa này đã được Chính phủ Việt Nam Cộng hòa ấn định chiếu theo các quy ước, tiêu chuẩn quốc tế và đã được công bố đầy đủ. Bởi vậy, Chính phủ Việt Nam Cộng hòa coi là vô giá trị và vô hiệu lực mọi quyền đặc nhượng, do một quốc gia khác cấp dữ lẫn vào phần thêm lục địa của Việt Nam Cộng hòa. Những công ty thụ thưởng quyền đặc nhượng trái phép ấy, phải gánh chịu mọi trách nhiệm và mọi rủi ro nếu họ tiến hành những công tác tìm kiếm và khai thác khoáng sản trên phần thêm lục địa của Việt Nam Cộng hòa, mà không có sự cấp quyền hợp lệ của Chính phủ Việt Nam Cộng hòa" (9). Chưa hết, giữa năm 1971, tin tức không thám của Đệ thất Hạm đội Hoa Kỳ cho hay các hoạt động của Trung Quốc tại hai đảo Phú Lâm và Linh Côn thuộc quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam đang bị Trung Quốc chiếm giữ đang trở nên "rất sôi động" như sau: "Tin tức không

tham do Dệ I Hạm đội Hoa Kỳ thông báo cho biết các hoạt động của Trung Cộng tại 2 đảo Woody và Lincoln trong dãy Hoàng Sa được ghi nhận như sau: Tại đảo Woody, về hướng Bắc Đông Bắc đã có 50 cơ sở gồm nhà của đang xây cất; Một cầu tàu dài khoảng 100 mét được thiết lập từ đảo ra biển hướng Bắc Đông Bắc; Kế cận cầu tàu ghi nhận có 3 tàu hàng của Trung Cộng đang cập bến, 2 tàu kéo và 2 xà lan chở đầy vật liệu kiến trúc; Tại đảo Lincoln có nhiều người của Hải quân Trung Cộng hiện diện, hình như đang thiết lập cơ sở. Việc Trung Cộng tăng cường hoạt động ở quần đảo Hoàng Sa cho thấy Bắc Kinh có thể đang bành trướng việc xây dựng các hòn đảo trên để trở thành các căn cứ hải quân nhằm yểm trợ Hạm đội Trung Cộng biển đang phát triển mạnh ở vùng biển Đông Nam Á" (10). Trong quá trình thu thập, khai thác tư liệu về Hoàng Sa tại các Trung tâm Lưu trữ Quốc gia, chúng tôi đã tiếp cận nhiều ảnh tư liệu do quân đội Hoa Kỳ và VNCH chụp được, cho thấy các "ngư phủ" giả dạng của Trung Quốc chở vật liệu và xây dựng các cơ sở quân sự tại Hoàng Sa trong thời gian này.

Bắt đầu vào năm 1970, do cục diện chính trị trên thế giới có nhiều thay đổi, Mỹ vượt vế và thỏa hiệp với Trung Quốc hồng chống Liên Xô và mong thoát khỏi cuộc chiến tranh đang sa lầy tại Việt Nam. Lợi dụng cơ hội đó, Trung Quốc ráo riết đẩy mạnh kế hoạch xâm nhập các đảo còn lại của Hoàng Sa và âm thầm chuẩn bị lực lượng cho một cuộc "tiểu chiến tranh" mà họ đã vạch sẵn. Đến năm 1972, Thông cáo chung Thượng Hải giữa Mỹ và Trung Quốc được ban bố đã tạo ra sự rạn nứt không thể hàn gắn giữa Liên Xô và Trung Quốc. Thêm vào đó, cuộc chiến tranh Việt Nam đang ở giai đoạn gần kết thúc, cục diện chính trị thế giới biến đổi mạnh, đã tạo

điều kiện cho ý đồ thôn tính Hoàng Sa của Trung Quốc thêm chín muồi. Vì vậy, chỉ hai năm sau đó (1974), Trung Quốc đã quyết định dùng vũ lực chiếm đóng một cách bất hợp pháp toàn bộ quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam.

Để thực hiện ý đồ trên, gần đến ngày "hải chiến Hoàng Sa", Trung Quốc vẫn sử dụng phương thức "tàu cá" ngụy trang, âm thầm chờ đến hàng trăm "ngư phủ" (thực chất là quân đội chính quy Trung Quốc) cùng với vũ khí, đạn dược áp sát quần đảo Hoàng Sa để chờ... ngày khai hỏa. Để có cơ "động binh", Trung Quốc lu loa trên toàn thế giới về "chủ quyền bất khả xâm phạm của mình" tại Hoàng Sa và ra sức "nhử cho mỗi rơi vào cái bẫy" do mình giăng sẵn bấy lâu nay. Một văn bản đáng chú ý của Bộ Ngoại giao VNCH lúc bấy giờ cho biết: "Ngày 11-01-1974, Bộ Ngoại giao Trung Cộng bỗng nhiên lên tiếng mạo nhận chủ quyền trên các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của VNCH. Ngay ngày hôm sau, phát ngôn viên của Bộ Ngoại giao VNCH đã bác bỏ sự đòi hỏi vô căn cứ đó. Mặc dù vậy, trong những ngày gần đây nhà cầm quyền Trung Cộng không những không rút lại sự đòi hỏi vô lý của mình lại còn ngang nhiên xâm phạm vào lãnh thổ của VNCH bằng cách cho người và tàu bè xâm nhập vào vùng lãnh hải chung quanh các đảo Cam Tuyền (Robert), Quang Hào (Duncan) và Duy Mộng (Drumond) thuộc quần đảo Hoàng Sa (Paracels Islands) của VNCH. Thậm chí bọn người này còn dám đặt chân lên các hòn đảo này, dựng chòi và kéo cờ của Trung Cộng, trắng trợn chà đạp lên chủ quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam Cộng hòa" (11). Và như thế, chiến tranh đang rất gần kề...

Phát hiện được dã tâm của Trung Quốc, ngày 16-1-1974, Hội đồng Nội các chính

phủ VNCH đã tổ chức một phiên họp, đi đến kết luận “tình hình Hoàng Sa đã trở nên báo động”, đồng thời thông báo chỉ thị của Tổng thống VNCH, nêu rõ: “Bộ Ngoại giao làm tất cả mọi hành động còn làm được có tính cách quốc tế và pháp lý quốc tế, để xác nhận thêm lần chót chủ quyền của ta trên quần đảo Hoàng Sa, từ khía cạnh lịch sử đến công pháp quốc tế qua các hội nghị quốc tế... Thông báo ngay bằng mọi cách cho các quốc gia vi phạm; Phổ biến một cách long trọng và rộng rãi những hành động và tuyên cáo hoặc tuyên bố... của Chính phủ ngay trong ngày hôm nay 16-01-1974. *Đối với tàu và ghe lạ hiện có tại các đảo* (chúng tôi nhấn mạnh - Tg), Hải quân sử dụng tối đa luật lệ quốc tế đến sommations và dẫn độ với mục đích đuổi đi. Nếu họ sử dụng vũ lực thì trả lời bằng vũ lực. Cho lính Hải quân đổ bộ lên Robert và Duncan, *nhớ cờ lạ, cấm cờ Việt Nam, đuổi người lạ đi* (chúng tôi nhấn mạnh - Tg). Hải quân có nhiệm vụ ngăn ngừa mọi hành động cấm cờ và đổ bộ người lên các đảo còn lại, ví dụ như Drummond và Money. Hải quân, nếu cần, phải được tăng cường phương tiện để bảo vệ tối đa chủ quyền Việt Nam tại quần đảo Crescent và bằng mọi hành động thích ứng khi cần” (12).

Thế rồi, trong 2 ngày 17 và 18 tháng 1 năm 1974, Trung Quốc trắng trợn tăng cường lực lượng quân sự và cố tình khiêu khích, họ huy động các chiến hạm tiến sâu vào hải phận phía Tây quần đảo Hoàng Sa. Ở cái thế chẳng dặng dưng, VNCH đã quyết định khai chiến. Và, dĩ nhiên Trung Quốc chỉ chờ có thế...

Trận hải chiến lớn nhất và dữ dội nhất giữa hải quân Việt Nam Cộng hoà và hải quân Trung Quốc nổ ra vào sáng ngày 19 tháng 1 năm 1974. Một báo cáo mật lúc bấy giờ cho biết: “Ngày 19 tháng 1 năm 1974,

lúc 9 giờ, binh sĩ Trung Hoa nổ súng vào các binh sĩ Việt Nam trú đóng trên đảo Quang Hòa (cũng được gọi là đảo Duncan). Đồng thời, các chiến hạm Trung Cộng khiêu chiến các chiến hạm Việt Nam ở trong vùng, gây nhiều thương vong và thiệt hại vật chất. Ngày 20 tháng 1, 19 phi cơ của không lực Trung Cộng đã từng bay trong không phận của vùng này từ ngày trước, tham gia chiến trận và thả bom xuống các vị trí Việt Nam trên các đảo Hoàng Sa (Pattle), Cam Tuyền (Robert) và Vĩnh Lạc (Money). Đến chiều ngày 20 tháng 1 năm 1974, binh sĩ Trung Hoa đã đổ bộ lên tất cả các đảo thuộc quần đảo Hoàng Sa và lực lượng đặc nhiệm Hải quân Trung Hoa có vẻ chuẩn bị trực chỉ quần đảo Trường Sa” (13). Với cuộc “tiểu chiến tranh” chớp nhoáng đó, Trung Quốc đã chiếm nốt phần phía Tây của quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam và làm cho 58 binh sĩ VNCH hy sinh trong khi bảo vệ Hoàng Sa. Ngày 27-01-1974, đài BBC đã nhận định: “Việc đòi chủ quyền của Trung Cộng không có gì là mới mẻ cả, điều mới mẻ là Trung Cộng đã dùng tới vũ lực. Việc chiếm đóng Hoàng Sa của Trung Cộng là để đảm bảo rằng các quần đảo nhỏ rải rác ở vùng phía Tây Thái Bình Dương ấy, không rơi vào tay các siêu cường Hoa Kỳ hay Liên Xô hoặc rơi vào tay các đồng minh của hai siêu cường này. Trung Cộng không muốn một ngày nào đó bỗng thấy các công ty dầu hỏa của Hoa Kỳ và Nhật Bản nhảy vào khai thác các tài nguyên trong khu vực này” (14). Nhìn nhận sự kiện Trung Quốc dùng vũ lực cưỡng chiếm Hoàng Sa, một nhà báo Việt Nam Cộng hòa lúc đó đã thấy được sự thỏa hiệp giữa Mỹ và Trung Quốc, đồng thời vạch trần thủ đoạn “quen dùng” của Trung Quốc; khi ông này so sánh với việc Trung Quốc bắt thần tấn công Liên Xô trước đó, ông viết: “Mặc dầu Trung Cộng không có

một chút lý do nhỏ nào để đòi hỏi chủ quyền về nhóm đảo Hoàng Sa, nhưng về hình thức hành động của Trung Cộng trong biến cố này giống như biến cố Trân Bào/Damansky trên sông Ussuri giữa Trung Cộng và Liên Xô hồi tháng 2-1969 mà sáng kiến hoàn toàn do Trung Cộng. Đưa quân mai phục, *cho lính giả làm thương dân dựng cờ khiêu khích* (Chúng tôi nhấn mạnh - Tg), gây nổ súng, rồi ào tới đánh chiếm. Nam Việt không phải là Liên Xô để có đủ sức trả đũa. Về mặt chiến lược, hành động này của Trung Cộng có tầm quan trọng gấp bội, nếu so sánh với biến cố Trân Bào. Bởi:

a. Chiếm Hoàng Sa, Trung Cộng áp đặt thế lực của họ trên biển Nam Hải, đặt căn cứ mở đường tiến xuống vùng Nam Thái Bình Dương. Dừng về mặt phòng thủ, Trung Cộng có thể nói rằng họ bắt buộc phải làm như vậy để chọc thủng một phía cái vòng đai thép của liên minh các đế quốc xã hội và tư bản, trong khi chính Trung Cộng tiếp tục chủ nghĩa bành trướng.

b. Đối với Liên Xô, biến cố Hoàng Sa cần được coi như một hành động đối phó với mọi cố gắng lập hệ thống an ninh Á Châu của Mạc Tư khoa. Nó cũng là một cảnh cáo cho bất cứ một nước Á Châu nào nuôi ý định dựa vào Liên Xô để bắt bớ Trung Cộng. Đối với các cường quốc có ảnh hưởng mạnh trên Thái Bình Dương, chủ yếu là Hoa Kỳ, nó mở đầu cho một loạt những thách đố quyết định có thể lật nhào cái nền tảng của một thế quân bình ở Á Châu và Thái Bình Dương mà Mỹ và Tây phương tưởng đã xây dựng được..." (15). Hoàng Sa bị mất, song VNCH tuyên bố với quốc dân đồng bào và quốc tế rằng không bao giờ từ bỏ chủ quyền đối với Hoàng Sa: "Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là những phần bất khả phân của lãnh thổ Việt Nam Cộng

hòa. Chính phủ và nhân dân Việt Nam Cộng hòa không bao giờ chịu khuất phục trước bạo lực mà từ bỏ tất cả hay một phần chủ quyền của mình trên những quần đảo ấy. Chừng nào còn một hòn đảo thuộc phần lãnh thổ ấy của Việt Nam Cộng hòa bị nước ngoài chiếm giữ bằng bạo lực, thì chừng ấy Chính phủ và nhân dân Việt Nam Cộng hòa còn đấu tranh để khôi phục những quyền lợi chính đáng của mình. Kẻ xâm chiếm phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về mọi tình trạng căng thẳng có thể do đó mà có" (16).

Sau khi chiếm được toàn bộ quần đảo Hoàng Sa, Trung Quốc tuyên bố "đã giải phóng Tây Sa" và lập tức cho đập phá các bia chủ quyền, đào các mộ của người Việt đã chôn ở đây, xóa các di tích lịch sử của Việt Nam... Chúng tôi cũng có được một số hình ảnh lúc bấy giờ cho thấy, để khuyếch trương cái gọi là đã "thu hồi" được Hoàng Sa, Trung Quốc cho quay phim, chụp ảnh giới thiệu bộ sưu tập "chính quyền của đảo Tây Sa" và các hoạt động thu nhặt hải sản, đặt "bia chủ quyền" có niên đại thời nhà Thanh tại Hoàng Sa?! ...

Theo chúng tôi, có một bài học lớn về trách nhiệm của VNCH trong việc để mất Hoàng Sa vào năm 1974 mà đến nay vẫn còn tính thời sự đó là: không được để đất nước rơi vào tình trạng bất ổn; cần hết sức cảnh giác sự thỏa hiệp ngấm ngấm giữa các cường quốc và quái chiêu "ngư phủ, cờ lạ" nhằm liên tục tạo ra sự "tranh chấp" giả hiệu, để khi có điều kiện thì thực hiện một cuộc "tiểu chiến tranh" chớp nhoáng, chiếm toàn bộ, đặt dư luận quốc tế trước một việc đã rồi mà Trung Quốc đã từng làm đối với Hoàng Sa của chúng ta. Cho nên, bài học lịch sử về nêu cao ý thức bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia; đẩy mạnh phát triển kinh tế kết hợp với bảo đảm an ninh - quốc

phòng trên biển; giáo dục, nâng cao hiểu biết về chủ quyền quốc gia... vẫn luôn tươi mới. Bởi, sự nghiệp bảo vệ chủ quyền quốc gia là lâu dài, muôn đời, toàn diện, bao gồm tất cả các biện pháp chính trị, kinh tế, pháp lý, đối ngoại và khai thác trên thực địa; cần xử lý tinh táo, khéo léo

những tình huống mới nảy sinh trong vấn đề tranh chấp biển đảo hiện nay, tránh không được mắc mưu để rơi vào "cái bẫy giăng sẵn từ lâu" của Trung Quốc. Nhất là, phải làm sao để mọi người dân Việt Nam đều nhớ nằm lòng rằng "Hoàng Sa là của Việt Nam".

CHÚ THÍCH

(1). Nguyễn Việt Long, "Hoàng Sa, Trường Sa - Các sự kiện, tư liệu lịch sử, pháp lý chính (Thế kỷ XV - 2000)", Nxb. Trẻ, tr. 120-121.

(2). Ủy ban Nhân dân huyện Hoàng Sa, Ký yếu Hoàng Sa, Nxb. Thông tin - Truyền thông, tr. 161.

(3). Dẫn theo Việt Nam Thông tấn xã - Số 8360 (chiều) thứ Sáu 15-02-1974.

(4). Đỗ Bang, "Quá trình khai thác và thực thi chủ quyền ở quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của triều Nguyễn", Tạp chí *Huế xưa và nay*, số 104-2011, tr. 14.

(5). Bộ Dân vận Sài Gòn, Hoàng Sa lãnh thổ Việt Nam Cộng hòa, Sài Gòn.

(6). Trích Phiếu trình số 0367/TTM/2/5, ngày 6-3-1961.

(7). Dẫn theo "Tờ trình của Bộ Tư lệnh hải quân, chuyển Bộ Tổng tham mưu Quân lực VNCH đề trình Thủ tướng VNCH", Văn bản đề ngày 21 tháng năm 1971 (Tài liệu lưu tại Văn phòng Phủ Thủ tướng VNCH).

(8). Phiếu trình số 2838-QP/DL/K ngày 27-5-1961 của Bộ trưởng Phụ tá Quốc phòng gửi Bộ trưởng kinh tế và Bộ trưởng Công chính và Giao thông Sài Gòn. Ký hiệu hồ sơ số 1572-PTTg.

(9). Tuyên cáo của Chính phủ Việt Nam Cộng hòa về tài nguyên thiên nhiên của quốc gia trong vùng biển và dưới đáy biển.

(10). Phiếu trình số 339/K.QNG ngày 14-7-1971 của ủy Ban phối hợp tình báo quốc gia về hoạt động của Trung Cộng ở quần đảo Hoàng Sa. Hồ sơ số 6359-DII-VNCH. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia (TTLTQG) II, Thành phố Hồ Chí Minh.

(11). Tuyên bố ngày 16-1-1974 về việc Trung Cộng vi phạm chủ quyền VNCH trên các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Ký hiệu hồ sơ số 4617-DII-CH. TTLTQG II, Thành phố Hồ Chí Minh.

(12). Biên bản số 32/55 của phiên họp Hội đồng Nội các ngày 16-01-1974. Ký hiệu hồ sơ số 6375-DII-CH.

(13). Công hàm của Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa gửi các thành viên ký kết định ước của Hội nghị quốc tế về Việt Nam tại Paris năm 1973.

(14). Tài liệu của Văn phòng Phủ Tổng thống VNCH, trình Tổng thống các vấn đề báo chí trong ngày.

(15). Bức thư của ký giả Như Phong ngày 22-1-1974 được ông Trần Văn Mạnh, Trưởng Ty khí tượng Tuy Hòa (Phú Yên) gửi Tổng thống Việt Nam Cộng hòa về việc cung cấp một số dữ kiện liên quan chủ quyền của VNCH đối với quần đảo Hoàng Sa. Ký hiệu hồ sơ số 6366-DII-VNCH. TTLTQG II, Thành phố Hồ Chí Minh.

(16). Tuyên cáo của Chính phủ Việt Nam Cộng hòa về chủ quyền trên những hòn đảo ở ngoài khơi bờ biển Việt Nam Cộng hòa, Ký hiệu 6360-DII-VNCH.